

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Trước
Bà Lê Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tý H1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số G, đường N, Phường B, thành phố C, Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2023).

* *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Lê Văn K, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Lê Văn T**, ông **Lê Văn K**: Ông **Nguyễn Tý H1**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Số G, đường N, Phường B, thành phố C, Đồng Tháp** (Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2023).

3. Bà **Lê Kim D**, sinh năm 1978 (Hộ chiếu số K04898617 cấp ngày 23/6/2015, tên **Le Kim D1**, sinh năm 1978);

Địa chỉ: **Số H. Hồ N, Trung Quốc**.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Lê Kim D**: Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1982; Địa chỉ: **Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** (Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2023).

2. Các đương sự tự nguyện, thỏa thuận cụ thể như sau:

2.1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1952 và ông **Lê Văn M** (chết ngày 11/12/2009) là vợ chồng. Trong thời kỳ hôn nhân, bà **Nguyễn Thị H** và ông **Lê Văn M** có tạo lập được phần đất diện tích **2.221,9m²** (đo đạc thực tế diện tích **1.612,8m²**), thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 44, mục đích sử dụng đất ở nông thôn **300m²** + đất trồng cây lâu năm **1921,9m²**, đất tọa lạc tại **ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AM 902817, số vào sổ cấp GCN: H01796 được **UBND huyện C** cấp ngày 18/06/2017 cho hộ ông **Lê Văn M**).

2.2. Xác định tài sản chung của vợ chồng bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1952 và ông **Lê Văn M** (chết ngày 11/12/2009) là phần đất đo đạc thực tế diện tích **1.612,8m²** thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 44, mục đích sử dụng đất ở nông thôn **300m²** + đất trồng cây lâu năm **1.312,8m²**, đất tọa lạc tại **T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AM 902817, số vào sổ cấp GCN: H01796 được **UBND huyện C** cấp ngày 18/06/2017 cho hộ ông **Lê Văn M**). Trong đó, có $\frac{1}{2}$ (diện tích **1.612,8m² : 2 = 806,4m²**) là diện tích **806,4m²** là của bà **Nguyễn Thị H** và diện tích **806,4m²** là di sản của ông **Lê Văn M** (chết ngày 11/12/2009) chết để lại chia theo pháp luật (do ông **Lê Văn M** chết không có di chúc).

2.3. Về hàng thừa kế thứ nhất của ông **Lê Văn M** (chết ngày 11/12/2009), có 05 người, gồm:

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1952 (vợ ông **M**);
- Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1970 (con ông **M**);
- Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1976 (con ông **M**);
- Chị **Lê Kim D**, sinh năm 1978 (con ông **M**);
- Anh **Lê Văn K**, sinh năm 1982 (con ông **M**);

2.4. Về di sản thừa kế:

Di sản của ông **Lê Văn M** (chết ngày 11/12/2009), là phần diện tích thực tế **806,4m²** thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 44, mục đích sử dụng đất ở nông thôn **300m²** + đất trồng cây lâu năm **1.312,8m²**, đất tọa lạc tại **T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AM 902817, số vào sổ cấp GCN: H01796 được **UBND huyện C** cấp ngày 18/06/2017 cho hộ ông **Lê Văn M**) chia đều cho 05 người gồm: (1) bà **Nguyễn Thị H**, (2) **Lê**

Văn L, (3) Lê Văn T, (4) Lê Kim D, (5) Lê Văn K, mỗi người được hưởng 161,28m².

2.5. Bà Nguyễn Thị H (người đại diện ủy quyền là anh Nguyễn Tý H), anh Lê Văn L, anh Lê Văn T, chị Lê Kim D (người đại diện ủy quyền là anh Lê Văn K) và anh Lê Văn K thống nhất phân chia cho anh Lê Văn L hơn một kỹ phần thừa kế với diện tích 185,9m² (nhiều hơn 24,62m²) trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11 trở về M5, theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/4/2024 của Trung tâm K1.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/4/2024 của Trung tâm K1).

2.6. Bà Nguyễn Thị H (người đại diện ủy quyền là anh Nguyễn Tý H), anh Lê Văn L, anh Lê Văn T, chị Lê Kim D (người đại diện ủy quyền là anh Lê Văn K) và anh Lê Văn K thống nhất phân diện tích còn lại 620,5m² (phần di sản của ông M $806,4m^2 - 185,9m^2 = 620,5m^2$), tự nguyện giao toàn bộ diện tích 620,5m² cho bà Nguyễn Thị H được toàn quyền đứng tên đăng ký, sử dụng QSD đất trên. Anh Lê Văn L thống nhất tự nguyện di dời toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của anh L trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, H, M11, M10, M9, M8 trở về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 10/4/2024 của Trung tâm K1 để giao diện tích đất 620,5m² cho bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng (ngoài ra bà H được quyền quản lý, sử dụng phần di sản còn lại của ông M diện tích thực tế 806,4m²

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/4/2024 của Trung tâm K1).

2.7. Bà Nguyễn Thị H và anh Lê Văn L được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mục đích sử dụng đất của các đương sự theo giấy CN.QSDĐ đã cấp cho Hộ ông Lê Văn M, do cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật và theo hiện trạng sử dụng đất thực tế, chi phí, lệ phí các bên đương sự tự chịu.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy CNQSD đất số AM902817, số vào sổ cấp GCN: H01796 được UBND huyện C cấp ngày 18/06/2017 cho hộ ông Lê Văn M để cấp lại cho các đương sự theo diện tích thực tế các bên được quản lý sử dụng nêu trên.

2.8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H được miễn do thuộc diện người cao tuổi.
- Anh Lê Văn L phải chịu 1.736.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.9. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng 7.023.848đồng.

Bà Nguyễn Thị H thống nhất tự nguyện nộp 5.023.848đ. Bà Nguyễn Thị H đã nộp và chi xong.

Anh **Lê Văn L** thống nhất tự nguyện nộp **2.000.000đ**. Anh **Lê Văn L** hoàn trả lại cho bà **Nguyễn Thị H**.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- Cục THADS tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành